

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Báo cáo tài chính

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-24



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty là: ROYAL INTERNATIONAL SECURITIES . Tên viết tắt là: IRS.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Danh Hưng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	Giám đốc giao dịch
Ông Phan Văn Huy	Giám đốc khối dịch vụ tư vấn

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thu Hương	Trưởng ban
-----------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trọng Tuấn

Q. Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2012



Số: 360 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được lập ngày 08 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.947.517.519	192.315.979.859
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	79.343.840.647	92.579.058.357
111	1. Tiền		79.343.840.647	92.579.058.357
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	348.532.900	372.364.800
121	1. Đầu tư ngắn hạn		530.609.977	855.487.680
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(182.077.077)	(483.122.880)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.806.482.885	97.814.190.659
131	1. Phải thu của khách hàng		-	36.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.127.140.000	929.731.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	42.679.342.885	96.848.459.659
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.000.000.000)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.448.661.087	1.550.366.043
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.050.226	67.541.250
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		31.778.831	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.398.832.030	1.458.324.793
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		7.000.000	24.500.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.960.578.227	34.069.235.471
220	II. Tài sản cố định		2.039.326.427	2.748.443.284
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.533.356.895	2.080.096.361
222	- Nguyên giá		6.039.586.943	6.022.386.943
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.506.230.048)	(3.942.290.582)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	505.969.532	668.346.923
228	- Nguyên giá		1.655.149.470	1.599.201.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.149.179.938)	(930.854.497)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	3.147.689.200	4.768.569.496
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		280.569.496	1.768.569.496
258	4. Đầu tư dài hạn khác		3.000.000.000	3.000.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(132.880.296)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		27.773.562.600	26.552.222.691
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	226.707.010	469.261.843
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	3.927.443.090	2.463.548.348
268	4. Tài sản dài hạn khác		23.619.412.500	23.619.412.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		146.908.095.746	226.385.215.330

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.627.419.628	73.933.935.853
310	I. Nợ ngắn hạn		10.627.419.628	73.933.935.853
312	2. Phải trả người bán		5.225.000	-
313	3. Người mua trả tiền trước		226.800.000	69.800.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	16.995.536	954.578.687
316	6. Chi phí phải trả	14	722.156.149	1.025.792.114
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	9.656.152.943	70.096.606.152
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	1.706.345.000
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		90.000	80.813.900
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.280.676.118	152.451.279.477
410	I. Vốn chủ sở hữu		136.280.676.118	152.451.279.477
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	135.000.000.000	135.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.715.000.000)	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.995.676.118	17.451.279.477
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.908.095.746	226.385.215.330

HỒ SƠ
 CHỨNG
 DỊCH
 TẠI
 (P. H)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		196.675.300.000	404.396.320.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		179.187.600.000	347.700.220.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		268.030.000	173.900.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		178.896.570.000	347.503.320.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		23.000.000	23.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		13.900.000.000	14.835.500.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		200.000.000	200.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng GD của khách hàng trong nước		13.700.000.000	14.635.500.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		3.587.700.000	41.860.600.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		3.587.700.000	41.860.600.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		26.902.430.000	17.473.400.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		23.094.540.000	13.312.510.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		23.094.540.000	13.312.510.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		2.507.890.000	4.153.890.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng GD của khách hàng trong nước		2.507.890.000	4.153.890.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		1.300.000.000	7.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		1.300.000.000	7.000.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	1.488.000.000

35
 CÔNG TY
 CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
 HOÀNG GIA
 QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
 Á KIỆT
 ANI

Ngô Hà Chi

Ngô Hà Chi
Giám đốc tài chính



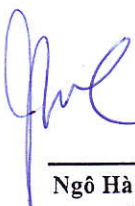
Nguyễn Trọng Tuấn
Q. Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	16.523.006.840	46.741.825.832
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		6.500.864.921	26.825.345.297
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		33.727.766	400.979.501
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		549.090.908	694.909.087
01.9	Doanh thu khác		9.439.323.245	18.820.591.947
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		16.523.006.840	46.741.825.832
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	10.438.680.716	30.569.805.842
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		6.084.326.124	16.172.019.990
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	16.154.877.875	7.699.775.367
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.070.551.751)	8.472.244.623
31	8. Thu nhập khác		87.671.351	2.594.440
32	9. Chi phí khác		302.500.000	1.108.664
40	10. Lợi nhuận khác		(214.828.649)	1.485.776
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.285.380.400)	8.473.730.399
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	170.222.959	2.105.972.291
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.455.603.359)	6.367.758.108
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(775)	472



Ngô Hà Chi
Giám đốc tài chính



Nguyễn Trọng Tuấn
Q.Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(10.285.380.400)	8.473.730.399
02	Khấu hao tài sản cố định		782.264.907	2.755.413.992
03	Các khoản dự phòng		10.831.834.493	169.681.475
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.383.043.031)	(18.871.541.847)
06	Chi phí lãi vay		16.500.000	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(8.037.824.031)	(7.472.715.981)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		53.993.428.943	16.565.094.785
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		324.877.703	(1.008.074.101)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(63.306.516.225)	12.651.554.955
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		299.045.857	196.473.996
13	Tiền lãi vay đã trả		(16.500.000)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.730.196)	(4.913.921.517)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	100.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.463.894.742)	(2.100.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(18.318.112.691)	14.018.412.137
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(73.148.050)	(1.928.854.255)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.488.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.383.043.031	18.871.541.847
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.797.894.981	16.942.687.592
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(5.715.000.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		9.900.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.900.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.715.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.235.217.710)	30.961.099.729

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		92.579.058.357	61.617.958.628
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	79.343.840.647	92.579.058.357

Ngô Hà Chi
 Giám đốc tài chính



Nguyễn Trọng Tuấn
 Q. Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

Năm nay	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	(5.715.000.000)	-	(5.715.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.451.279.477	(10.455.603.359)	-	6.995.676.118
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	152.451.279.477	(16.170.603.359)	-	136.280.676.118

Năm trước	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.083.521.369	6.367.758.108	-	17.451.279.477
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	146.083.521.369	6.367.758.108	-	152.451.279.477



Handwritten signature in blue ink.

Ngô Hà Chi
 Giám đốc tài chính

Nguyễn Trọng Tuấn
 Q. Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

353 - C
 TY
 CHỨNG KHOÁN
 QUỐC TẾ
 HOÀNG GIA
 QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
 KẾ TỐC
 KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 02 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 04 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý | 02 - 08 năm |

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.



Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

HOANG GIA
QUẢN LÝ
KẾ TOÁN
TP. HN

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	190.402	2.961.604.474
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	190.402	2.961.604.474
Của người đầu tư	331.597.859	4.483.441.701.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	331.597.859	4.483.441.701.000
	331.788.261	4.486.403.305.474

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền	79.343.840.647	92.579.058.357
- Tiền mặt tại quỹ	9.980.601.412	926.607.760
- Tiền gửi ngân hàng	59.678.735.692	19.634.934.651
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	9.684.503.543	70.305.376.419
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	1.712.139.527
	79.343.840.647	92.579.058.357

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	530.609.977	855.487.680
- Chứng khoán niêm yết	530.609.977	855.487.680
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(182.077.077)	(483.122.880)
	348.532.900	372.364.800

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2011 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán đầu tư của Công ty.

Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2011. Đối với chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2011 đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng.

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu lãi hợp tác kinh doanh	5.745.600	907.517.350
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	40.605.000.000	76.388.500.000
Phí giao dịch phải thu nhà đầu tư	8.207.711	99.583.621
Phải thu NĐT ứng trước tiền bán CK	2.060.389.574	19.452.858.688
	42.679.342.885	96.848.459.659

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.398.832.030	1.458.324.793
	<u>1.398.832.030</u>	<u>1.458.324.793</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.623.734.000	4.398.652.943	6.022.386.943
Số tăng trong năm	-	17.200.000	17.200.000
- Mua sắm mới	-	17.200.000	17.200.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.623.734.000</u>	<u>4.415.852.943</u>	<u>6.039.586.943</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	312.792.614	3.629.497.968	3.942.290.582
Số tăng trong năm	270.622.344	293.317.122	563.939.466
- Trích khấu hao	270.622.344	293.317.122	563.939.466
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>583.414.958</u>	<u>3.922.815.090</u>	<u>4.506.230.048</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	<u>1.310.941.386</u>	<u>769.154.975</u>	<u>2.080.096.361</u>
Số dư cuối năm	<u>1.040.319.042</u>	<u>493.037.853</u>	<u>1.533.356.895</u>

KIỂM TRA
 TÀI CHÍNH
 TỰ VỊ
 KIỂM TRA

15/12/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	1.599.201.420	1.599.201.420
Số tăng trong năm	-	55.948.050	55.948.050
- Mua sắm mới	-	55.948.050	55.948.050
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.655.149.470	1.655.149.470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	930.854.497	930.854.497
Số tăng trong năm	-	218.325.441	218.325.441
- Trích khấu hao	-	218.325.441	218.325.441
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.149.179.938	1.149.179.938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	668.346.923	668.346.923
Số dư cuối năm	-	505.969.532	505.969.532

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	280.569.496	1.768.569.496
- Chứng khoán niêm yết	280.569.496	280.569.496
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	1.488.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	3.000.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(132.880.296)	-
	3.147.689.200	4.768.569.496

(*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân, đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2011.



8
VC
PI
Á
C
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	469.261.843	685.277.089
Số tăng trong năm	25.856.000	486.893.913
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(268.410.833)	(702.909.159)
Số dư cuối năm	226.707.010	469.261.843

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	102.542.485	153.813.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	124.164.525	315.448.098
	226.707.010	469.261.843

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.662.353.265	2.288.466.503
Tiền lãi phân bổ trong năm	145.089.825	55.081.845
Số dư cuối năm	3.927.443.090	2.463.548.348

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	75.380.488
Thuế Thu nhập cá nhân	16.995.536	879.198.199
	16.995.536	954.578.687

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện và thông tin liên lạc	60.000.000	99.000.000
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	18.156.149	566.337.238
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	600.000.000	316.454.876
Chi phí phải trả khác	44.000.000	44.000.000
	722.156.149	1.025.792.114

0203
 CÔNG
 NGHỆ
 DỊCH VỤ
 TÀI CHÍNH
 VÀ
 BẢO HỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.493.790	4.531.365
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.647.659.153	70.092.074.787
	9.656.152.943	70.096.606.152

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	317.500	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>317.500</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.182.500	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.182.500</i>	<i>13.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

53 - C
 TỶ
 CHỮ HỮU
 TỬ VÀ
 KẾ T
 NIỆM TỐ
 KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	16.523.006.840	46.741.825.832
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.500.864.921	26.825.345.297
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	33.727.766	400.979.501
- Doanh thu hoạt động tư vấn	549.090.908	694.909.087
- Doanh thu khác	9.439.323.245	18.820.591.947
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16.523.006.840	46.741.825.832

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.297.986.873	5.584.520.343
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	450.400.103	14.215.278.450
Chi phí hoạt động tư vấn	185.244.364	78.608.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	344.700.621	193.360.356
Chi phí dự phòng	(168.165.507)	169.681.475
Chi phí khác	175.514.781	73.786.167
Chi phí trực tiếp chung	7.152.999.481	10.254.571.051
- Chi phí nhân viên	2.846.434.951	2.924.909.127
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	324.401.735	626.189.793
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.410.476	966.043.681
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.420.649.159	5.350.841.004
- Chi phí khác bằng tiền	229.103.160	386.587.446
	10.438.680.716	30.569.805.842

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.306.625.810	2.872.043.390
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	148.095.368	581.502.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	449.854.431	1.789.370.311
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	11.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.717.373	2.123.551.186
Chi phí khác bằng tiền	33.584.893	330.308.053
	16.154.877.875	7.699.775.367



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.285.380.400)	8.473.730.399
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.966.272.234	(49.841.236)
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.000.000.000	1.108.664
- Các khoản điều chỉnh giảm	(33.727.766)	(50.949.900)
Tổng thu nhập chịu thuế	680.891.834	8.423.889.163
Thu nhập tính thuế	680.891.834	8.423.889.163
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	170.222.959	2.105.972.291
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	170.222.959	2.105.972.291

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(10.455.603.359)	6.367.758.108
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.455.603.359)	6.367.758.108
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.499.128	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(775)	472

22 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NĂM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	9.684.503.543	70.305.376.419
	9.684.503.543	70.305.376.419

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

01020
CÔNG
TRÁCH NH
DỊCH Y
TÀI CH
VÀ T
DOANH

TÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.500.864.921	33.727.766	9.439.323.245	549.090.908	16.523.006.840
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(10.070.551.751)
Tài sản bộ phận	13.613.867.775	3.496.222.100	42.671.135.174	-	59.781.225.049
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	87.126.870.697
Tổng tài sản					146.908.095.746
Nợ phải trả của các bộ phận	9.647.659.153	-	-	-	9.647.659.153
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	979.760.475
Tổng nợ phải trả					10.627.419.628

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

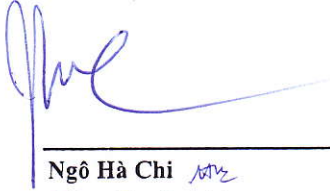
Số 30 đường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Ngô Hà Chi
Giám đốc tài chính



Nguyễn Trọng Tuấn
Q.Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012